FireAnt

CTCP Thương mại Hóc Môn (HNX: HTC)

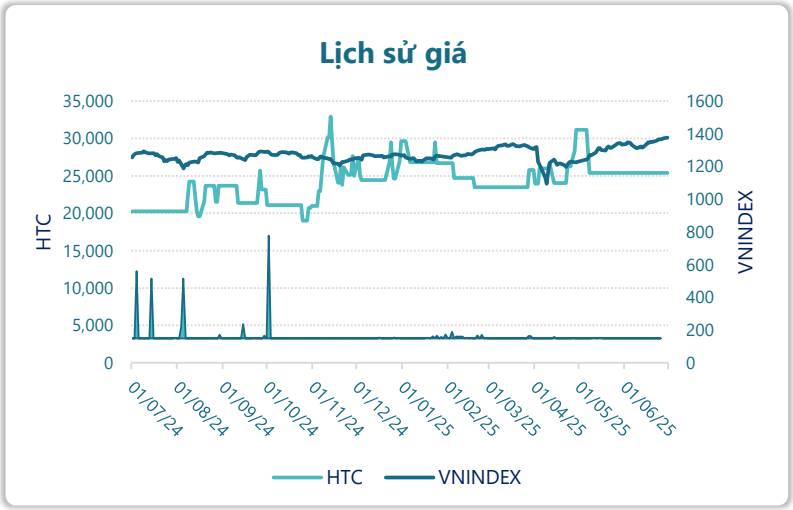

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,928
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,004
SL cổ phiếu LH	16,499,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,313
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	424
P/E	13.3
EPS	1,929

DT thuần

Q2/25

252

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.00| 2.4%

YoY: ▼4.00| -1.6%

LN sau thuế

Q2/25

7.42

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.28| -3.6%

YoY: ▲ 1.66| 28.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.0%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

6T 2025

498

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.00| 0.9%

LN sau thuế

6T 2025

15.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.20| 8.4%

ROE

Q2/25

11.1%

+/- YoY: ▼ 3.3%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

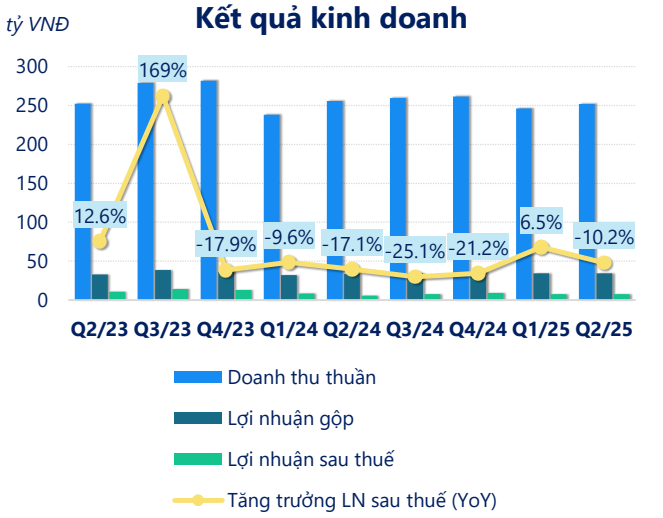

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

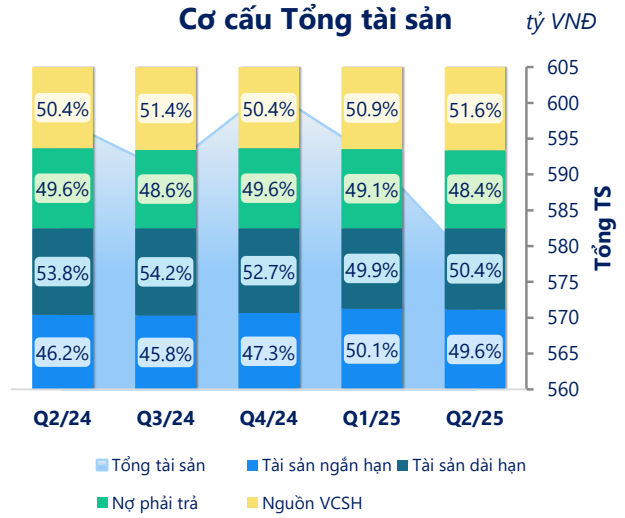

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

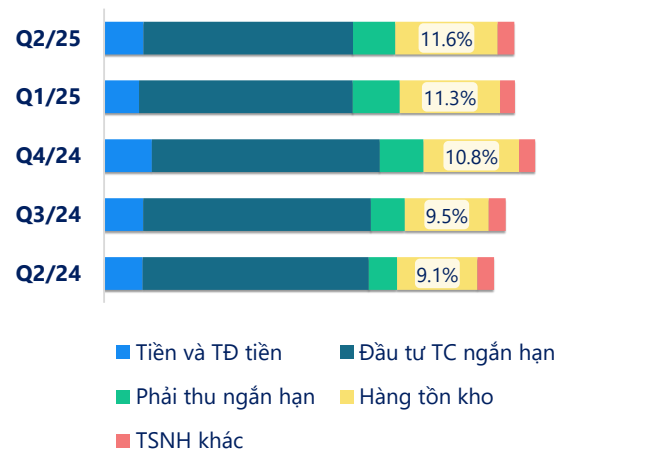

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

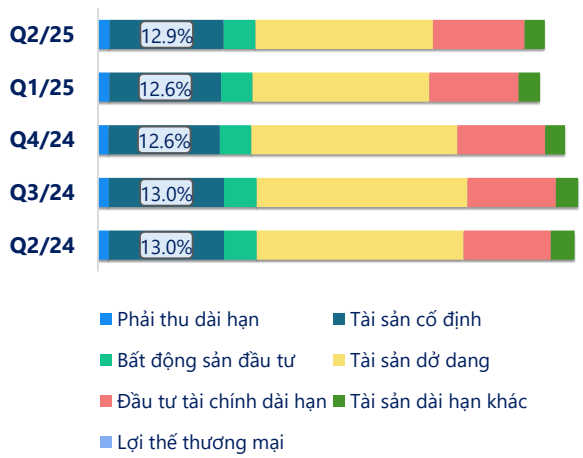

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

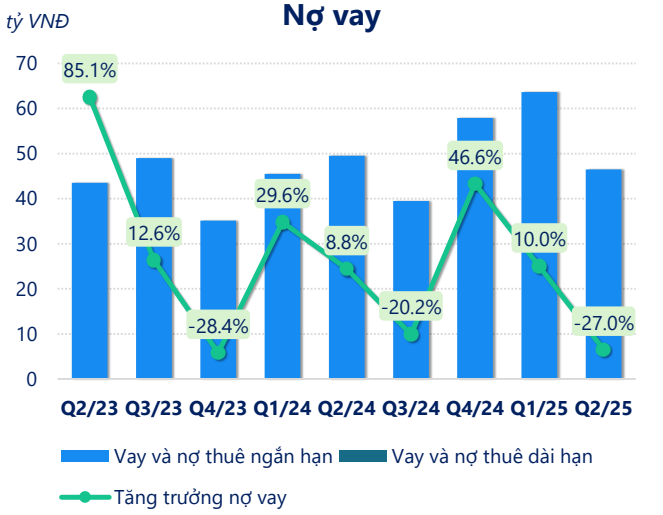

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

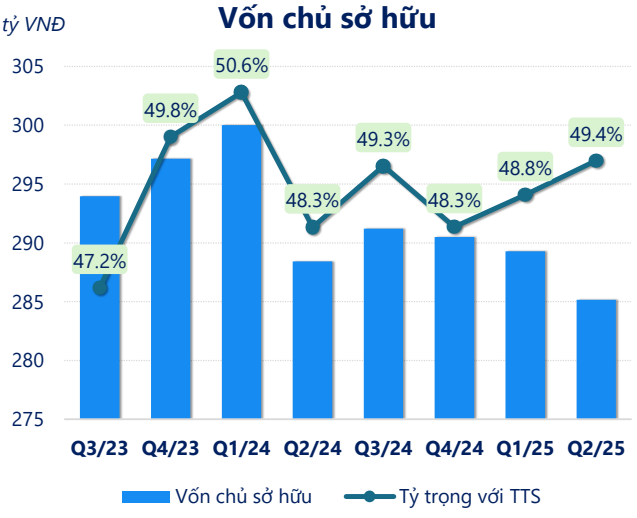

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

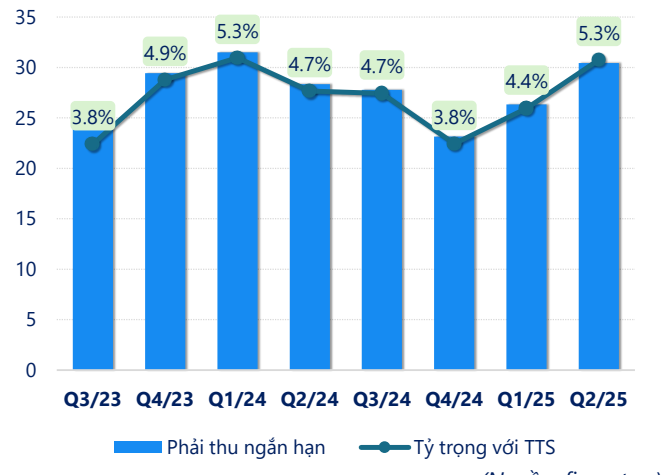

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

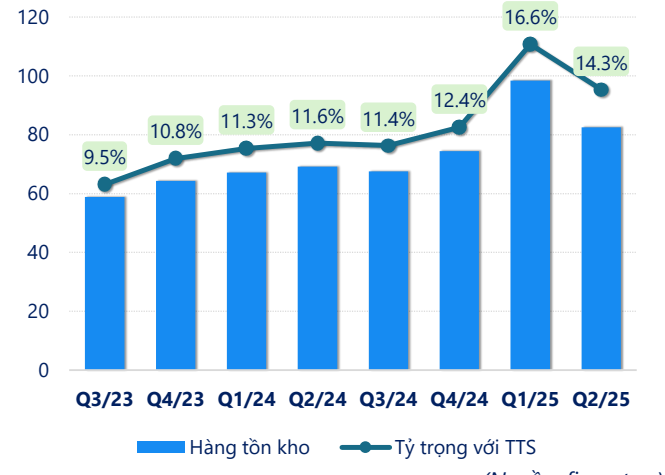

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

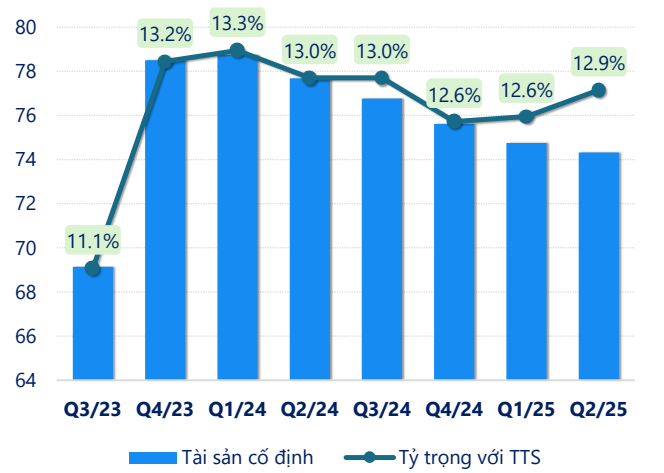

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

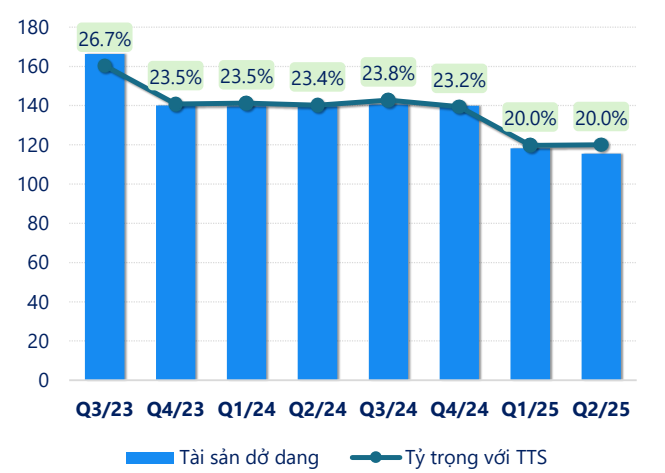

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

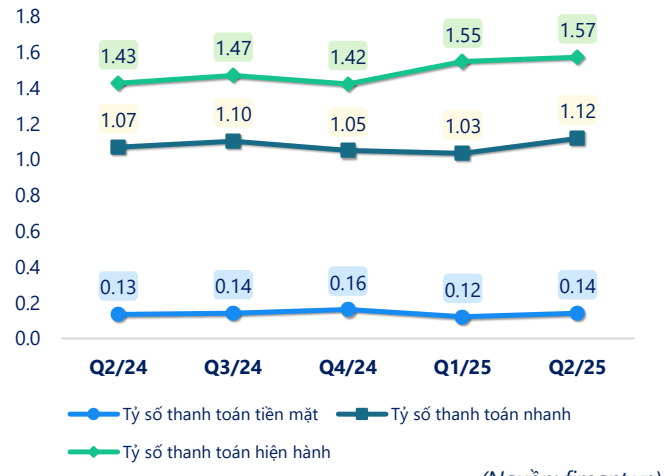

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

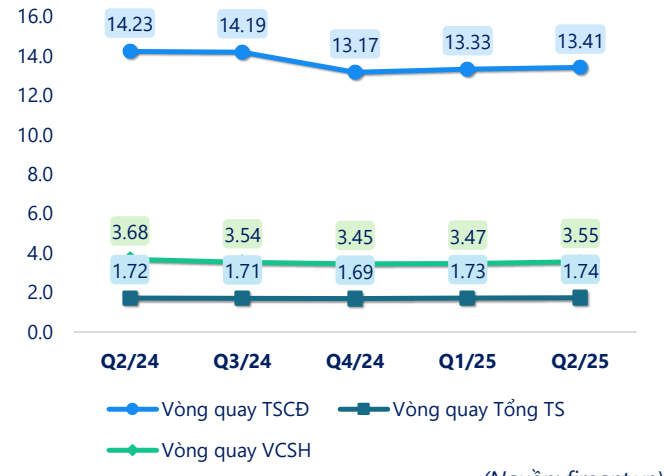

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**598**	**591**	**602**	**593**	**577**
Tài sản ngắn hạn	**276**	**271**	**285**	**297**	**286**
Tiền và tương đương tiền	26.1	26.1	32.4	23.4	25.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	141	141	147	141	141
Phải thu ngắn hạn	28.3	27.8	23.1	26.4	30.4
Hàng tồn kho	69.2	67.6	74.4	98.4	82.5
Tài sản ngắn hạn khác	11.2	7.84	8.14	8.26	6.14
Tài sản dài hạn	**321**	**320**	**317**	**296**	**291**
Phải thu dài hạn	7.25	7.25	7.25	7.61	7.61
Tài sản cố định	77.7	76.8	75.6	74.7	74.3
Bất động sản đầu tư	22.1	21.7	21.4	21.1	20.8
Tài sản dở dang	140	140	140	118	115
Đầu tư tài chính dài hạn	58.7	58.8	59.5	59.7	59.7
Tài sản dài hạn khác	16.1	15.0	13.5	14.2	13.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**297**	**287**	**299**	**291**	**280**
Nợ ngắn hạn	**193**	**184**	**200**	**192**	**182**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	49.5	39.5	57.9	63.7	46.5
Phải trả người bán ngắn hạn	19.2	13.6	15.4	15.9	11.2
Nợ dài hạn	103	103	98.7	98.9	97.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**301**	**304**	**303**	**302**	**298**
Vốn chủ sở hữu	**288**	**291**	**291**	**289**	**285**
Vốn điều lệ	165	165	165	165	165
Kinh phí và quỹ khác	12.5	12.5	12.5	12.5	12.5

(Nguồn: fireant.vn)